

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: Ngày: 18-11-2024
Bản án số: 165/2024/DS-ST
V/v: “Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thanh Nga

2. Ông Phạm Văn Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Hường - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 15 và 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 699/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 721/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần C

Địa chỉ trụ sở chính: số A đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Mỹ N, chức vụ: Trưởng phòng bán hàng (Văn bản ủy quyền số 335/UQ-HĐQT-NGCT-PCTT3 ngày 22/3/2023).

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Minh H, sinh năm 1978

Địa chỉ: I KDC Đ, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Thạch Anh T, sinh năm 1976

Địa chỉ: I KDC Đ, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Mỹ N và bị đơn bà Đỗ Thị Minh H có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2024, bản tự khai, và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Mỹ N trình bày:

Ngày 04/10/2021, bà Đỗ Thị Minh H đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – chi nhánh B1 (gọi tắt là V) Giấy đề nghị phát hành Thẻ Tài chính cá nhân kèm Hợp đồng với nội dung sau:

- Hạn mức thẻ được cấp: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Mục đích vay vốn: tiêu dùng thông qua hình thức phát hành thẻ tài chính cá nhân;
- Thời hạn thẻ: 36 tháng (từ ngày 04/10/2021 đến ngày 04/10/2024) ;
- Thời hạn thanh toán nợ : theo kỳ sao kê vào ngày 05 hàng tháng ;
- Lãi suất : theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 108, tờ bản đồ số 14, diện tích 106m² tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 885808 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 10/12/2019 đứng tên ông Thạch Anh T.

Từ 05/8/2023, bà Đỗ Thị Minh H không thanh toán nợ vay của hợp đồng cho vay nêu trên, bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký kết với Ngân hàng. V đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 28/9/2024, bà H có thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 19.430.390 đồng (mười chín triệu bốn trăm ba mươi ngàn ba trăm chín mươi đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh H1 trả số tiền nợ gốc 279.506.610 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu năm trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm mười đồng), nợ lãi tính đến ngày 15/11/2024 là 81.880.986 đồng (tám mươi một triệu tám trăm tám mươi ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng), phí tính đến ngày 15/11/2024 là 1.924.082 đồng (một triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn không trăm tám mươi hai đồng), tổng cộng 363.311.678 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu ba trăm mười một ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 16/11/2024 cho đến khi trả hết nợ vay.

Trong trường hợp bà Đỗ Thị Minh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 108, tờ bản đồ số 14, diện tích 106m² tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

CS 885808 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 10/12/2019 đứng tên ông Thạch Anh T.

Theo bản tự khai, và tại phiên tòa, bị đơn bà Đỗ Thị Minh H trình bày:

Ngày 04/10/2021, bà Đỗ Thị Minh H đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (gọi tắt là V) Giấy đề nghị phát hành Thẻ Tài chính cá nhân kèm Hợp đồng với nội dung sau:

- Hạn mức thẻ được cấp: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);
- Mục đích vay vốn: tiêu dùng thông qua hình thức phát hành thẻ tài chính cá nhân;
- Thời hạn thẻ: 36 tháng (từ ngày 04/10/2021 đến ngày 04/10/2014) ;
- Thời hạn thanh toán nợ : theo kỳ sao kê thẻ vào ngày 05 hàng tháng ;
- Lãi suất : theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 108, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 885808 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 10/12/2019 đứng tên ông Thạch Anh T.

Năm 2022, bà và ông T ly hôn theo Bản án số 90/2022/HNGĐ-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Ngày 28/11/2022, bà và ông T đến Văn phòng T1 lập vi bằng về việc thỏa thuận phân chia tài sản và nợ như sau:

- Ông T nhận nhà I21 KDC Đ, phường X, thành phố P, cùng với Công ty TNHH D và tài sản là xe ô tô, xe khách của Công ty. Ông T chịu trách nhiệm trả nợ lãi + gốc của tất cả các khoản nợ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, bao gồm khoản nợ cá nhân đứng tên bà.

- Bà H nhận nhà I22 Đ, KDC Đ, phường X, thành phố P và thửa đất số 108, tờ bản đồ số 14, diện tích 106m² tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 885808 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 10/12/2019 đứng tên ông Thạch Anh T. Bà chịu trách nhiệm trả các khoản nợ cá nhân vay bên ngoài.

Ông T không thực hiện việc trả khoản nợ tín dụng đứng tên bà. Bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, vì bà và ông T đã thỏa thuận ông T là người chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Việc thỏa thuận đã được thể hiện bằng Vi bằng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định;

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo các văn bản đã ký kết. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Đỗ Thị Minh H phải trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn có địa chỉ tại phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền gốc và lãi, phí của hợp đồng tín dụng, xét thấy:

Xét thấy Giấy đề nghị phát hành Thẻ Tài chính cá nhân kèm Hợp đồng ngày 04/10/2021 thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật, nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nội dung Giấy đề nghị phát hành Thẻ Tài chính cá nhân kèm

Hợp đồng ngày 04/10/2021 thể hiện chủ thể đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng. Theo nội dung Các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C. Ngoài ra, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng còn quy định về tiền lãi, phí.

Giấy đề nghị phát hành Thẻ Tài chính cá nhân kèm Hợp đồng ngày 04/10/2021 được ký kết giữa cá nhân bà Đỗ Thị Minh H với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, không có chữ ký của ông Thạch Anh T. Bà Đỗ Thị Minh H cho rằng bà và ông Thạch Anh T đã xác lập Vi bằng về việc phân chia tài sản và nợ, theo đó ông T có nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ tín dụng của bà tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

Khoản 2 Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật”*.

Bà Đỗ Thị Minh H tự thỏa thuận với ông Thạch Anh T về việc ông T là người chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà H với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C mà không có sự đồng ý, thỏa thuận từ phía Ngân hàng Thương mại Cổ phần C. Đây chỉ là sự thỏa thuận của riêng bà H và ông T, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C không có nghĩa vụ phải tuân theo sự thỏa thuận này. Hội đồng xét xử xác định bà Đỗ Thị Minh H phải là người chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C yêu cầu bà Đỗ Thị Minh H trả số tiền nợ gốc 279.506.610 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu năm trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm mười đồng), nợ lãi tính đến ngày 15/11/2024 là 81.880.986 đồng (tám mươi một triệu tám trăm tám mươi ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng), phí tính đến ngày 15/11/2024 là 1.924.082 đồng (một triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn không trăm tám mươi hai đồng), tổng cộng 363.311.678 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu ba trăm mười một ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 16/11/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị phát hành Thẻ Tài chính cá nhân kèm Hợp đồng ngày 04/10/2021, Các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, xét thấy:

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 108, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 885808 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 10/12/2019 đứng tên ông Thạch Anh T. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đ theo Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 05/10/2021. Các bên cũng đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

215411/2021/HĐBĐ/NHCT600 ngày 05/10/2021, nội dung thế chấp quyền sử dụng đất như trên để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác đối với bên nhận thế chấp phát sinh từ tất cả các hợp đồng cho vay (hợp đồng tín dụng). Bên thế chấp (ông Thạch Anh T và bà Đỗ Thị Minh H) đồng ý thế chấp tài sản của mình cho bên nhận thế chấp (Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) để đảm bảo cho nghĩa vụ của bên được bảo đảm là ông Thạch Anh T, bà Đỗ Thị Minh H. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng C1.

Hội đồng xét xử xét thấy tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất hợp lệ về nội dung, hình thức nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 215411/2021/HĐBĐ/NHCT600 ngày 05/10/2021 phát sinh hiệu lực. Do đó trong trường hợp bà Đỗ Thị Minh H không trả được nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 215411/2021/HĐBĐ/NHCT600 ngày 05/10/2021, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 108, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 885808 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 10/12/2019 đứng tên ông Thạch Anh T và tài sản gắn liền với đất.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C

Buộc bà Đỗ Thị Minh H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền nợ gốc 279.506.610 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu năm trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm mười đồng), nợ lãi tính đến ngày 15/11/2024 là 81.880.986 đồng (tám mươi một triệu tám trăm tám mươi ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng), phí tính đến ngày 15/11/2024 là 1.924.082 đồng (một triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn không trăm tám mươi hai đồng), tổng cộng 363.311.678 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu ba trăm mười một ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 16/11/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị phát hành Thẻ Tài chính cá nhân kèm Hợp đồng ngày 04/10/2021, Các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng.

Trong trường hợp bà Đỗ Thị Minh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 108, tờ bản đồ số 14, diện tích 106m² tọa lạc tại thôn T, xã H, huyện H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 885808 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 10/12/2019 đứng tên ông Thạch Anh T.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Minh H phải chịu 18.165.584 đồng (mười tám triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm tám mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, ông Thạch Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền tạm ứng án phí 8.703.000 đồng (tám triệu bảy trăm lẻ ba ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001879 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/11/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Thảo Nguyên

